TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HS-PT
Ngày: 28 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Doanh

Các Thẩm phán: Ông Đặng Đình Hưng và bà Hoàng Thị Thu Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 02/2025/TLPT-HS, ngày 20/01/2025 do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn và có kháng cáo của các bị cáo Lê Văn M, Ma Văn N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2024/HS-ST, ngày 12/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

* Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

Lê Văn M (Tên gọi khác: không), sinh ngày 30 tháng 12 năm 1980, tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Ủ, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thanh N1 và bà Hà Thị N2 (đều đã chết); Vợ: Mông Thị N3; Con: có 02 con (Con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2009); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

Ma Văn N (Tên gọi khác: không), sinh ngày 08 tháng 01 năm 1983, tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Ủ, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ma Văn T (Đã chết) và bà Nông Thị H; Vợ: Tô Thị C; Con: có 03 con (Con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2023); Tiền án: Không; tiền sự: 02 (Hai): Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 12/QĐ-XPHC ngày 08/4/2023 của Công an xã Y, huyện C xử phạt Ma Văn N 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng

trái phép chất ma túy, đến nay đã thi hành xong khoản tiền phạt; Quyết định số số 399/QĐ-XPTT ngày 18/5/2023 của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với Ma Văn N thời hạn 03 tháng, kể từ ngày 18/5/2023, đã chấp hành xong. Bị cáo tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

* Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

* Trong vụ án còn có các bị cáo Hoàng Thị T1, Liêu Đình H1, Ma Văn H2, Ma Văn C1, nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 00 phút ngày 15/12/2023, Tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - ma túy Công an huyện C phối hợp với Trạm Kiểm lâm Bình Trung - Hạt Kiểm lâm huyện C tiến hành kiểm tra theo nguồn tin báo của quần chúng nhân dân, phát hiện tại khu vực thôn Bản Vọng, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn có Liêu Đình H1, sinh năm 1989, trú tại thôn K, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đang điều khiển một máy kéo nông nghiệp (tắc tơ) vận chuyển 09 (chín) khúc gỗ tự nhiên có tổng khối lượng 1,876m^3 không có hồ sơ lâm sản hợp pháp.

Quá trình điều tra ban đầu xác định được số lâm sản trên do Liêu Đình H1 cùng Ma Văn H2, Ma Văn N, Ma Văn C1 cùng khai thác tại khu vực rừng Khu Ổ, lô A, khoảnh 2, tiểu khu C (theo bản đồ quy hoạch ba loại rừng xã Y năm 2018) thuộc thôn Ủ, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn do Hoàng Thị T1 quản lý để bán cho xưởng chế biến lâm sản của Lê Văn M, sinh năm 1980, cư trú tại thôn Ủ, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi xác minh, mở rộng vụ việc, ngày 16/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an nhuyện C phối hợp với Hạt Kiểm lâm huyện C, Ủy ban nhân dân xã Y tiến hành kiểm tra, tạm giữ tại xưởng chế biến lâm sản của Mười 19 (mười chín) khúc gỗ tự nhiên có tổng khối lượng 3,033m^3. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C chủ trì, phối hợp cùng Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, Hạt Kiểm lâm huyện C, Ủy ban nhân dân xã Y, có mặt Liêu Đình H1, Ma Văn H2, Ma Văn N, Ma Văn C1, Hoàng Thị T1 tiến hành khám nghiệm hiện trường. Kết quả đo đạc, thống kê xác định các vị trí, khu vực cây rừng tự nhiên bị khai thác trái phép và được cắt khúc có tại hiện trường tại lô A, khoảnh 2, tiểu khu C thuộc thôn Ủ, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Qua kiểm đếm xác định có 14 cây gỗ tự nhiên bị khai thác trái phép, khối lượng lâm sản bị khai thác trái phép có tại hiện trường là 16,756m^3 gỗ thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII, đồng thời tiến hành lấy mẫu và niêm phong 14 mẫu của 14 gỗ cây tự

nhiên tại hiện trường, 02 mẫu gỗ thu tại khúc gỗ ký hiệu số 02 và 07 do Liêu Đình H1 vận chuyển ngày 15/012/2023, 03 mẫu gỗ thu tại các khúc gỗ ký hiệu 01, 06, 09 thu giữ tại xưởng chế biến lâm sản của Mười ngày 16/12/2023 để gửi Viện nghiên cứu và phát triển lâm nghiệp nghiệt đới giám định.

Ngày 17/12/2023, Công an huyện C tiến hành xác minh tại Hạt Kiểm lâm huyện C xác định diện tích rừng bị khai thác trái phép thuộc lô 19, khoảnh 2, tiểu khu C (theo Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã Y năm 2018) quy hoạch là rừng sản xuất, trạng thái rừng hỗn giao gỗ tre nứa tự nhiên núi đất (HG1); thuộc lô A, khoảnh 2, tiểu khu C (theo bản đồ diễn biến rừng xã Y năm 2022) hiện trạng rừng hỗn giao gỗ tre nứa tự nhiên núi đất (HG1).

Bản Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp số 21-2024/KL/LNNĐ ngày 32/01/2024 của V nghiệt đới kết luận: 02 (hai) khúc gỗ ký hiệu số 01 và số 07 là loại gỗ sung, trám trắng; 03 (ba) khúc gỗ ký hiệu số 01, 06 và 09 là loại gỗ trám trắng, rè vàng (kháo), ruối đều thuộc các nhóm từ nhóm VI - VIII là gỗ tự nhiên; 14 (mười bốn) mẫu gỗ lấy tại gốc chặt hạ thuộc 11 loài gỗ gồm gỗ sụ gân nổi (kháo), côm lá bạc, lọng bàng (sổ con quay), rè (kháo vàng), ruối, dẻ đỏ, thị mận, trám trắng, sung, vạng trứng, xoan đào thuộc các nhóm từ nhóm IV - VIII, là gỗ tự nhiên. Tất cả các mẫu giám định đều là các loài thực vật thông thường, không có tên trong Sách đỏ Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về các loài thực vật nguy cấp, quý hiếm, bị đe dọa tuyệt chủng.

Ngày 19/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C có Văn bản số 92/CSĐT gửi Chi cục Kiểm lâm tỉnh B để đối chiếu các vị trí, chức năng và trạng thái rừng và xác định vị trí các tọa độ gốc cây gỗ tự nhiên bị khai thác. Ngày 23/02/2024, Chi cục Kiểm lâm tỉnh B có văn bản số 103/CCKL-TTTC xác định vị trí các cây rừng tự nhiên bị khai thác thuộc lô 19, khoảnh 2, tiểu khu C (theo bản đồ diễn biến rừng xã Y năm 2022 đều có hiện trạng là rừng hỗn giao G-TN tự nhiên núi đất (ký hiệu là HG1), chức năng quy hoạch sản xuất, không được khai thác gỗ rừng tự nhiên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 11/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: "69 khúc gỗ tròn nhóm V - VIII khối lượng 21,665m^3 và 14 gốc cây nhóm IV đến nhóm VIII khối lượng 0,549m^3 (tài sản để tại rừng) có giá trị tại thời điểm tháng 12 năm 2023 là 20.515.433đ (Hai mươi triệu năm trăm mười lăm nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng).

Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã tiến hành yêu cầu định giá để xác định thiệt hại về môi trường rừng nhưng Hội đồng định giá tố tụng hình sự tỉnh Bắc Kạn từ chối định giá theo yêu cầu định giá tài sản của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C theo điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ.

Quá trình điều tra đã xác định: Do có nhu cầu tìm nguồn nguyên liệu cho xưởng chế biến lâm sản và biết tại khu vực rừng tự nhiên Khuổi Nhầu thuộc thôn

Ủ, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn có cây gỗ tự nhiên nên vào khoảng đầu tháng 12 năm 2023, Lê Văn M đã thỏa thuận mua gỗ rừng tự nhiên Hoàng Thị T1. Sau đó, M đã gặp và đề nghị Liêu Đình H1 đến liên hệ để khai thác cây gỗ rừng tự nhiên với T1. Ngày 14/12/2023, H1 cùng Ma Văn H2, Ma Văn N, Ma Văn C1 mang theo dao, 02 máy cưa lốc và được T1 dẫn đi đi vào rừng và tiến hành chặt hạ, khai thác 14 cây gỗ tự nhiên từ nhóm IV - VIII, tổng khối lượng gỗ bị khai thác trái phép là 21,665m^3 gỗ loại thực vật thông thường tại lô 19, khoảnh 2, tiểu khu 319 (theo bản đồ quy hoạch 03 loại rừng xã Y năm 2018) thuộc thôn Ủ, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2024/HS-ST, ngày 12/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tuyên bố các bị cáo Lê Văn M, Hoàng Thị T1, Liêu Đình H1, Ma Văn H2, Ma Văn N, Ma Văn C1 phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản".

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 232; Điều 35; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị có Lê Văn M 24 (Hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù được tính tự ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù của bản án. Phạt bổ sung bị cáo M 10.000.000đ (mười triệu đồng) theo khoản 4 Điều 232 Bộ luật Hình sự.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 232; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Ma Văn N 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù của bản án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 232; Điều 17; Điều 38; điểm b, n, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T1 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 232; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Liêu Đình H1 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 232; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Ma Văn H2 24 (Hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Ma Văn C1 24 (Hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo T1, H1, H2, C1 cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung các bị cáo T1, H1, H2, N, chỉnh theo khoản 4 Điều 232 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/12/2024, bị cáo Lê Văn M kháng cáo bản án xin được hưởng án treo với lý do bản thân chưa có tiền án, tiền sự, là trụ cột chính trong gia đình, bản thân đang bị bệnh tật.

Ngày 23/12/2024, bị cáo Ma Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo với lý do bị cáo là người được rủ đi chặt cây, không được bàn bạc từ trước; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình ông Ma Văn Đ (em ruột ông Ma Văn T2 - ông nội bị cáo) bị cáo có ông nội là Ma Văn T2 Huân chương kháng chiến hạng Ba; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn.

Ngày 16/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn kháng nghị (một phần) Bản án sơ thẩm số: 51/2024/HS-ST, ngày 12/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng mức hình phạt tù đối với bị cáo Lê Văn M và bị cáo Ma Văn N với các lý do:

Thứ nhất: Xét về vai trò, tính chất, mức độ, hậu quả nguy hiểm của hành vi phạm tội thì bị cáo Lê Văn M là người chủ mưu, khởi xướng việc phạm tội, bị cáo biết và gặp chủ rừng là Hoàng Thị T1 để thỏa thuận mua các cây gỗ tạp tự nhiên, sau đó bị cáo bảo Liêu Đình H1 tìm người cùng đi khai thác các cây gỗ tự nhiên tại khu rừng của Hoàng Thị T1, rồi vận chuyển về bán cho bị cáo. Do đó bị có có vai trò quan trọng nhất trong vụ án, vừa thức đẩy Hoàng Thị T1 bán rừng trái phép, vừa thúc đẩy Liêu Đình H1 khai thác gỗ tự nhiên trái phép, dẫn đến cả T1 và H1 cùng phạm tội với Lê Văn M. Đối với bị cáo Ma Văn N, Ma Văn H2, Ma Văn C1 được bị cáo Liêu Đình H1 bảo cùng đi khai thác gỗ tự nhiên trái phép tại khu rừng của Hoàng Thị T1 nên hành vi của N, H2, C1 có vai trò ngang nhau, thực hiện hành vi phạm tội theo bị cáo H1.

Thứ hai: Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân: bị cáo Lê Văn M chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ là "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ là bố đẻ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Ma Văn N có hai tình tiết giảm nhẹ là "Người phạm tội tự nguyện khắc phụ hậu quả", "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và nhân thân xấu (có 02 tiền sự). Còn có bị cáo Hoàng Thị T1, Liêu Đình H1, Ma Văn H2, Ma Văn C1 đều có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Do đó, mức án đối với bị có Lê Văn M phải cao nhất, không thể thấp hơn Hoàng Thị T1, Liêu Đình H1; mức án của Ma Văn N không thể thấp hơn Ma Văn H2, Ma Văn C1.

Ngoài ra, bị cáo Ma Văn N chỉ có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân xấu nhưng được áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt mức án dưới khung truy tố, còn các bị cáo khác nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn nhưng lại không được xem xét, áp dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

- Về trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Lê Văn M: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn và chấp nhận kháng cáo của bị cáo M.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn M từ 33 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng.

Tạm giữ số tiền 4.000.000 đồng mà bị cáo M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo M.

Đối với bị cáo Ma Văn N: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 357; điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ma Văn N từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

Tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo N.

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo Lê Văn M, Ma Văn N giữ nguyên nội dung kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo các của bị cáo Lê Văn M, Ma Văn N và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về chủ thể và thời hạn nên có căn cứ để HĐXX xem xét.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, qua phần xét hỏi, tranh luận công khai, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận:

Do có nhu cầu tìm nguồn nguyên liệu cho xưởng chế biến lâm sản và biết tại khu vực rừng tự nhiên Khuổi Nhầu thuộc thôn Ủ, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn có cây gỗ tự nhiên nên vào khoảng đầu tháng 12 năm 2023, Lê Văn M đã thỏa thuận mua gỗ rừng tự nhiên Hoàng Thị T1. Sau đó, M đã gặp và đề nghị Liêu Đình H1 đến liên hệ để khai thác cây gỗ rừng tự nhiên với T1. Ngày 14/12/2023, H1 cùng Ma Văn H2, Ma Văn N, Ma Văn C1 mang theo dao, 02 máy cưa lốc và được T1 dẫn đi đi vào rừng và tiến hành chặt hạ, khai thác 14 cây gỗ tự nhiên từ nhóm IV - VIII, tổng khối lượng gỗ bị khai thác trái phép là 21,665m^3 gỗ loại thực vật thông thường tại lô 19, khoảnh 2, tiểu khu 319 (theo bản đồ quy hoạch 03 loại rừng xã Y năm 2018) thuộc thôn Ủ, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Với hành vi nêu trên của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Lê Văn M, Hoàng Thị T1, Liêu Đình H1, Ma Văn H2, Ma Văn N, Ma Văn C1, về tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" theo điểm b khoản 2 Điều 232 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn, HĐXX xét thấy:

Trong vụ án các bị cáo thực hiện hành vi có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân công cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo. Trong đó, bị cáo Lê Văn M là người khởi xướng, bị cáo biết và gặp chủ rừng là Hoàng Thị T1 để thỏa thuận mua các cây gỗ tạp tự nhiên, sau đó bị cáo bảo Liêu Đình H1 tìm người cùng đi khai thác các cây gỗ tự nhiên tại khu rừng của Hoàng Thị T1, rồi vận chuyển về bán cho bị cáo. Do đó bị có có vai trò quan trọng nhất trong vụ án, vừa thúc đẩy Hoàng Thị T1 bán rừng trái phép, vừa thúc đẩy Liêu Đình H1 khai thác gỗ tự nhiên trái phép, dẫn đến cả T1 và H1 cùng phạm tội với Lê Văn M. Bị cáo M chỉ có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có 01 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T1 có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H1 có 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, khi quyết định hình phạt, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo Lê Văn M không thể thấp hơn các bị cáo Hoàng Thị T1, Lê Đình H3.

Đối với bị cáo Ma Văn N, Ma Văn H2, Ma Văn C1 được bị cáo Liêu Đình H1 bảo cùng đi khai thác gỗ tự nhiên trái phép tại khu rừng của Hoàng Thị T1 nên hành vi của N, H2, C1 có vai trò ngang nhau, thực hiện hành vi phạm tội theo bị cáo H1. Bị cáo Ma Văn N thực hiện hành vi với vai trò tích cực, trực tiếp dùng cưa xăng cắt đổ các cây, cắt thành khúc, vận chuyển gỗ ra xe tắc tơ nên không thuộc trường hợp đồng phạm có vai trò không đáng kể. Bị cáo N có nhân thân xấu, có 02 tiền sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo H2, C1 có 03 tình tiết giảm nhẹ

trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, khi quyết định hình phạt mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo Ma Văn N không thể thấp hơn các bị cáo Ma Văn H2, Ma Văn C1.

Cấp sơ thẩm đã quyết định hình phạt của Lê Văn M thấp hơn Hoàng Thị T1, Liêu Đình H1, Ma Văn N thấp hơn Ma Văn H2, Ma Văn C1 là sai làm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật, không đảm bảo sự công bằng cho các bị cáo T1, H1, H2, C1. Do đó, Quyết định kháng nghị số: 01/QĐ-VKSCĐ ngày 25/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lê Văn M:

Trong giai đoạn phúc thẩm, bị cáo Lê Văn M đã nộp 02 biên lai thu tiền với tổng số tiền 4.000.000 đồng thể hiện rõ thái độ ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo hiện đang điều trị bệnh ung thư tuyến giáp, trước khi thực hiện hành vi khai thác gỗ trái pháp luật có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có khả năng tự cải tạo tại địa phương nên cho bị cáo hưởng án treo cũng đảm bảo tính giáo dục cho bị cáo và tính răn đe, phòng ngừa chung. HĐXX chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lê Văn M.

[5] Xét kháng cáo giảm hình phạt, xin hưởng án treo của bị cáo Ma Văn N:

Quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo N nộp 01 biên lai thu số tiền 2.000.000 đồng để thi hành án theo bản án hình sự sơ thẩm; 01 đơn xác nhận kèm theo bản sao Huân chương kháng chiến hạng Ba của ông Ma Văn Đ (em ruột ông Ma Văn T2 - ông nội bị cáo N). Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, mặc dù bị cáo có tình tiết mới trong giai đoạn xét xử phúc thẩm nhưng trước khi thực hiện hành vi khai thác gỗ trái pháp pháp luật bị cáo có 02 tiền sự, bị cáo phạm tội nghiêm trọng nên không đủ điều kiện cho hưởng án treo, không có căn cứ để giảm hình phạt tù đối với bị cáo. Do đó kháng cáo giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của bị cáo N không được chấp nhận.

[6] Về số tiền các bị cáo đã nộp trong giai đoạn phúc thẩm:

Đối với số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu số 0002143 ngày 23/12/2024; 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu số 0002144 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn do bị cáo Lê Văn M đã nộp, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo M.

Đối với số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu số 0002145 ngày 23/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn do bị cáo N đã nộp, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo N.

[7] Án phí: Kháng cáo của bị cáo Lê Văn M được chấp nhận nên bị cáo M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của bị cáo Ma Văn N

không được chấp nhận nhưng thuộc trường hợp được miễn án phí nên HĐXX miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn M; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ma Văn N.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2024/HS-ST ngày 12/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn M 33 (Ba mươi ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản". Thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 28/3/2025.

Giao bị cáo Lê Văn M cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ma Văn N 24 (Hai mươi tư) tháng tù về tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản". Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù của bản án.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu số 0002143 ngày 23/12/2024; số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu số 0002144 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn do bị cáo M nộp để đảm bảo thi hành án cho bị cáo M.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu số 0002145 ngày 23/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn do bị cáo N nộp để đảm bảo thi hành án cho bị cáo N.

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Văn M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Ma Văn N được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Phòng PC 10 CA tỉnh;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- TAND huyện Chợ Đồn;
- Chi cục THADS huyện Chợ Đồn;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ,Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Doanh